

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/ 2021/DS - ST

Ngày: 09/ 9/ 2021

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Tiến.

Bà Trần Thị Thanh Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký TAND thị xã hoàng Mai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM, tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã HM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1948 (Có mặt).

Trú tại: Khối TP, phường QP, thị xã HM, NA.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối TA, phường QP, thị xã HM, tỉnh NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 18/3/2018, bà có cho chị Nguyễn Thị L vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để về buôn bán hàng tạp hóa gia đình. Bà đã giao toàn bộ số tiền vay trên cho chị L trực tiếp nhận. Khi vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền do chị L viết và ký tên. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay chỉ nói khi nào bà cần thì chị L phải trả toàn bộ số tiền vay trên cho bà. Quá trình vay nợ, chị L đã trả cho bà số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi hết tháng 6/2018. Bà thấy chị L khó khăn nên thông nhất

cho chị L số tiền gốc là 10.000.000đ. Số tiền bà cho chị L vay không liên quan gì đến chồng bà và chồng chị L anh Hoàng Văn H. Hiện nay, chị L còn nợ bà số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi từ tháng 7/2018 cho đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà tổng tiền gốc và tiền lãi suất đến nay là 61.200.000đ (Sáu mươi một triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi (1,0%/tháng) tính đến nay (09/9/2021) là 16.200.000đ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị thừa nhận ngày 18/3/2018 có vay của bà Nguyễn Thị H vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để về buôn bán hàng tạp hóa gia đình. Bà H đã giao toàn bộ số tiền vay trên cho chị trực tiếp nhận. Khi vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền do chị viết và ký tên. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay chỉ nói khi nào bà H cần thì chị phải trả toàn bộ số tiền vay trên cho bà H. Quá trình vay nợ, chị đã trả cho bà H số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi hết tháng 6/2018. Bà H thấy gia đình chị khó khăn nên đã cho chị thêm số tiền gốc là 10.000.000đ thì chị đồng ý. Hiện nay, chị còn nợ bà H số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi từ tháng 7/2018 cho đến nay. Khoản vay trên không liên quan đến chồng chị là anh Hoàng Văn H và chồng bà Nguyễn Thị H.

Hiện nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án buộc chị phải trả cho bà H tổng tiền gốc và tiền lãi suất thì chị không nhất trí, chị chỉ thống nhất trả tiền gốc cho bà H không nhất trí trả tiền lãi suất vì bà H nói không lấy lãi của chị nữa.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.
- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466; 468 bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi suất là 61.200.000đ (Sáu mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại địa chỉ khối TA, phường QP, thị xã HM, tỉnh NA, vì vậy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã HM, tỉnh NA thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, hợp đồng không có thời hạn trả nợ nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi suất là 61.200.000đ (Sáu mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy vay tiền ngày 18/3/2018 và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan. Nội dung chứng cứ thể hiện chị Nguyễn Thị L có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 18/3/2018. Vay không có thời hạn trả. Đến tháng 10/2018 chị L đã trả 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc, sau đó vì điều kiện gia đình khó khăn nên bà H cho chị thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền gốc. Chị cũng xác định tại giấy vay nợ đó là đúng hiện nay chị còn nợ bà Nguyễn Thị H 45.000.000đ tiền gốc và không phải trả lãi cho bà H vì bà H đã cho chị tiền lãi suất. Tòa án đã giao trách nhiệm cho chị L cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà H cho chị tiền lãi nhưng đến nay vẫn không cung cấp cho Tòa án được thêm tài liệu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ để giải quyết.

Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định bị đơn chị Nguyễn Thị L có vay của nguyên đơn số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Hợp đồng không xác định được thời hạn trả, việc bị đơn không trả số tiền gốc tiền lãi hàng hàng tháng là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H đều thống nhất lúc vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1,5%/tháng nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất nên cần áp dụng

khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất cho các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H chỉ yêu cầu chị L trả lãi suất mức 1,0%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 45.000.000đ và lãi suất 1,0%/tháng tính từ tháng 7/2018 đến nay (09/9/2021) là 16.200.000đ. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất là 61.200.000đ (Sáu mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM, tỉnh NA về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vicác lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

[1] Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc và lãi suất là 61.200.000đ (Sáu mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 3.060.000đ (Ba triệu không trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được

sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSNDTX HM;
- VKSND tỉnh NA;
- TAND tỉnh NA;
- Đường sự;
- Chi cục THADSTX HM;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Huy